TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4 - SƠN LA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 154/2026/QĐST-HNGĐ	*Mai Sơn, ngày 12 tháng 02 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 206/2026/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2026 về việc xin ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Anh Hà Văn T, sinh ngày 08/08/1993. Số căn cước công dân: 014093014343. Nơi cư trú: Bản S L, xã Chiềng Sung, tỉnh Sơn La.

Bị đơn: Chị Lò Thị H, sinh ngày 20/10/1995. Số căn cước công dân: 014195011933. Nơi cư trú: Bản S L, xã Chiềng Sung, tỉnh Sơn La.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 02 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Hà Văn T và chị Lò Thị H.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về tình cảm: Anh Hà Văn T và chị Lò Thị H thống nhất thuận tình ly hôn.

b. Về con chung: Giao cháu Hà Thị N, sinh ngày 04/08/2013 cho anh Hà Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Giao cháu Hà Văn V, sinh ngày 04/02/2012 cho chị Lò Thị H trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành (đủ 18 tuổi). Anh T, chị H không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

- Sau khi ly hôn anh T, chị H được quyền thăm nom con mà mình không trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định, không ai được quyền ngăn cản anh chị thực hiện quyền này theo quy định của Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

c. Về tài sản chung, nợ chung vợ cH: Không có.

d. Về án phí: Anh T chị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm do anh chị là người dân tộc cư trú ở xã vùng ba.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sơn La;
- VKSND tỉnh Sơn La;
- VKSND khu vực 4 – Sơn La;
- THADS tỉnh Sơn La;
- UBND xã Chiềng Sung;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ.

THẨM PHÁN

Tráng A Tếnh